

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Cát Tường Phú Thành, diện tích 83.281,9 m², dân số 1.700 – 1.800 người tại thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc Cát Tường làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Khu dân cư Cát Tường Phú Thành, diện tích 83.281,9 m², dân số 1.700 – 1.800 người tại thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước do Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc Cát Tường làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công văn số 121/2021/CV-ĐOCT ngày 01/10/2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 729/TTr-STNMT ngày 18/10/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu dân cư Cát Tường Phú Thành, diện tích 83.281,9 m², dân số 1.700 – 1.800

người (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc Cát Tường làm chủ đầu tư (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chỉ huy trưởng Chỉ huy Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Chơn Thành, Chủ tịch UBND thị trấn Chơn Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc Cát Tường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-74-QĐPD-18/10). *6x*


CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN KHU DÂN CƯ CÁT TƯỜNG PHÚ THÀNH, DIỆN TÍCH
83.281,9 M², DÂN SỐ 1.700 – 1.800 NGƯỜI TẠI THỊ TRẤN CHƠN THÀNH,
HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC DO CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN ĐỊA ỐC CÁT TƯỜNG LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số 2704./QĐ-UBND ngày 11./10./2021
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Khu dân cư Cát Tường Phú Thành, diện tích 83.281,9 m², dân số 1.700 – 1.800 người.

1.2. Chủ Dự án: Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc Cát Tường.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Địa ốc Cát Tường được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 1101389698 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần đầu ngày 15/7/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 17/9/2019.

Trụ sở chính: Số 789, ấp Mới 1, xã Mỹ Hạnh Nam, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An, Việt Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quốc Việt, chức danh: Tổng Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Khu phố Trung Lợi, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô: Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 83.281,9 m².

1.5. Tính chất của Dự án: Đầu tư xây dựng khu dân cư.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Bao gồm đất ở, đất thương mại dịch vụ, đất giáo dục, đất cây xanh, đất giao thông - hẻm kỹ thuật, đất hạ tầng kỹ thuật.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn xây dựng:* Gồm bụi từ quá trình san nền; bụi từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị; bụi, khí thải từ các thiết bị thi công; bụi từ quá trình vệ sinh mặt đường và hoạt động trải nhựa đường; bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chà nhám, sơn tường; khí thải từ công tác hàn cắt kim loại; nước thải sinh hoạt; nước thải thi công xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn vận hành:* Gồm bụi, khí thải phát ra do hoạt động giao thông; mùi hôi phát sinh từ quá trình phân hủy rác tại các vị trí tập trung rác thải của Dự án; mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung; nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Nước thải xây dựng*: Lưu lượng phát sinh khoảng $1,12 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu là cặn bẩn và chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt*: Tổng lưu lượng phát sinh khoảng $05 \text{ m}^3/\text{ngày}$, trong đó: Lưu lượng phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân khoảng $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$, thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5 , COD, SS, amoni, tổng phospho, tổng nitơ, dầu mỡ, coliform; lưu lượng phát sinh từ hoạt động rửa tay, chân, mặt của công nhân khoảng $2,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$, thành phần chủ yếu là các cặn bẩn.

2.2.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân*: Lưu lượng khoảng $162 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5 , COD, SS, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ, coliform.

- *Nước thải sinh hoạt từ khu thương mại dịch vụ*: Lưu lượng khoảng $1,74 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5 , COD, SS, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ, coliform.

- *Nước thải sinh hoạt từ khu giáo dục*: Lưu lượng khoảng $6,75 \text{ m}^3/\text{ngày}$; thành phần ô nhiễm chủ yếu gồm: BOD_5 , COD, SS, amoni, tổng nitơ, tổng photpho, dầu mỡ, coliform.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Bụi phát sinh từ quá trình thi công san nền*: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đào đất khoảng $0,11.10^{-5} \text{ mg/m}^3$, nồng độ bụi phát sinh từ quá trình đắp đất khoảng $0,14.10^{-4} \text{ mg/m}^3$.

- *Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, HC, NO_x , CO.

- *Bụi và khí thải từ máy móc thiết bị thi công*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2 , NO_x , CO, VOC.

- *Bụi từ quá trình vệ sinh mặt đường và hoạt động trải nhựa đường*: Nồng độ bụi phát sinh từ quá trình vệ sinh mặt đường khoảng $5,26 \text{ mg/m}^3$. Hoạt động trải nhựa đường thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Hơi hydrocacbon và một số lượng rất nhỏ hơi sunfua hydro.

- *Khí thải từ các hoạt động hàn cắt kim loại*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO_x .

- *Bụi từ hoạt động chà nhám, sơn tường*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi xi măng, xylen, toluene, benzen.

2.3.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Bụi và khí thải phát ra từ hoạt động giao thông*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO_2 , NO_x , CO, VOC.

- *Mùi phát sinh từ khu vực lưu chứa rác thải*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: H_2S , NH_3 , CO_2 ...

- *Mùi phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải tập trung*: Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: H_2S , CH_4 , mercaptan...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Tổng khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công là 1.670,256 kg/ngày, chủ yếu là bao bì đựng vật liệu, sắt thép vụn, đất, đá, xi măng rơi vãi...

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh khoảng 50 kg/ngày; thành phần chủ yếu là thức ăn dư thừa, vỏ bao bì gói, hộp đựng bằng giấy...

2.4.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Phát sinh từ khu nhà ở khoảng 1.800 kg/ngày, từ khu thương mại dịch vụ khoảng 360 kg/ngày, rác đường phố tại khu vực Dự án khoảng 294,5 kg/ngày, khu giáo dục khoảng 90 kg/ngày; thành phần bao gồm: Thực phẩm, cỏ, lá cây, vỏ nghêu, sò, ốc, xương, vải, kim loại...

- *Bùn thải*: Lượng bùn cặn từ bể tự hoại của các hộ dân trong Dự án khoảng 529 kg/ngày; bùn cặn từ bể tự hoại khu thương mại khoảng 105,84 kg/ngày; bùn cặn từ bể tự hoại khu giáo dục khoảng 26,46 kg/ngày; bùn từ hệ thống xử lý nước thải: lượng bùn phát sinh của 1 module khoảng 120 kg/ngày, lượng bùn phát sinh của 2 module khoảng 240 kg/ngày.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn xây dựng: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 30 kg/tháng bao gồm các loại chất thải như: Dầu nhớt qua sử dụng thải bỏ; bao tay, giẻ lau thải dính các thành phần nguy hại; bao bì cứng bằng kim loại; que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại.

2.5.2. Trong giai đoạn hoạt động: Lượng chất thải nguy hại phát sinh từ Dự án khoảng 16,1 kg/tháng, bao gồm các loại chất thải như: Pin, ắc quy thải; bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải; bao bì cứng thải bằng nhựa; các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện các linh kiện điện tử; các loại dầu nhớt thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng*: Nước thải xây dựng được thu gom về hố ga, có song chắn rác, lót bạt HDPE, dung tích 04 m³ để lắng cặn. Nước thải sau khi lắng cặn, một phần nước thải được tái sử dụng cho quá trình tưới đường, giảm bụi, một phần được sử dụng cho quá trình trộn bê tông trong giai đoạn xây dựng.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Chủ Dự án thuê nhà trọ gần khu vực Dự án để phục vụ cho sinh hoạt của công nhân; nước thải sinh hoạt của công nhân qua bể tự hoại có sẵn tại nhà trọ, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý chất thải trong hầm tự hoại. Nước thải từ hoạt động rửa tay, chân, mặt của công nhân tại Dự án được thu gom với nước thải xây dựng về hố ga, có song chắn rác, lót bạt HDPE, dung tích 04 m³ để lắng cặn trước khi tái sử dụng cho tưới đường, giảm bụi và trộn bê tông của giai đoạn xây dựng.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải sinh hoạt của công nhân phải được thu gom và xử lý đúng theo quy định. Nước thải từ hoạt động rửa tay, chân, mặt của công nhân tại Dự án và nước thải xây dựng phải được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho tưới đường, giảm bụi và trộn bê tông của giai đoạn xây dựng.

3.1.2. Trong giai đoạn vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt của Dự án:*

+ *Trường hợp trong quá trình thực hiện Dự án, tại khu vực Dự án có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua:* Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn của mỗi hộ; nước thải từ khu thương mại dịch vụ và nước thải từ khu giáo dục được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn của từng khu; nước thải sau bể tự hoại được Chủ Dự án đầu nối vào mạng lưới thu gom, xử lý nước thải của địa phương, đảm bảo nước thải được thu gom, xử lý theo quy định, không được thải nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

+ *Trường hợp trong quá trình thực hiện Dự án, tại khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải chung của địa phương đi qua:*

Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 03 ngăn của mỗi hộ, nước thải từ khu thương mại dịch vụ và nước thải từ khu giáo dục được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 03 ngăn của từng khu sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý.

Chủ Dự án xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải, công suất 200 m³/ngày.đêm, xây dựng ngầm (nếu trong giai đoạn này, tại khu vực Dự án có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua, hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án sẽ ngưng hoạt động và chủ Dự án phải thực hiện đầu nối nước thải của Dự án vào mạng lưới thu gom, xử lý nước thải của địa phương, đảm bảo nước thải được thu gom, xử lý, không được thải nước thải chưa qua xử lý ra môi trường).

Giai đoạn 01: Chủ Dự án lắp đặt thiết bị cho module 1 của hệ thống xử lý nước thải với công suất là 100 m³/ngày.đêm với quy trình xử lý như sau: Nước thải phát sinh của Dự án → Mạng lưới thu gom nước thải chung của Dự án → Bể thu + song chắn rác → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể chứa trung gian → Bồn lọc áp lực → Thiết bị khử trùng UV. Nước thải sau xử lý đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (k = 1,0) trước khi đầu nối vào điểm đầu nối thoát nước thải chung của khu vực theo đúng quy định. Khi thực hiện các thủ tục để xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường phải

phối hợp với các cơ quan chức năng xác định cụ thể vị trí xả nước thải của Dự án và yêu cầu Chủ Dự án kết nối vào theo đúng quy định của pháp luật.

Giai đoạn 02: Khi lượng nước thải của giai đoạn 01 đạt 85% công suất của module 1, tại khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung, Chủ Dự án phải lắp đặt thêm thiết bị cho module 2, đảm bảo công suất hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án đạt 100% ($200 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$) và xử lý hết lượng nước thải phát sinh từ Dự án đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($k = 1,0$) trước khi đầu nối vào điểm đầu nối thoát nước thải chung của khu vực theo đúng quy định. Khi thực hiện các thủ tục để xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường phải phối hợp với các cơ quan chức năng xác định cụ thể vị trí xả nước thải của Dự án và yêu cầu Chủ Dự án kết nối vào theo đúng quy định của pháp luật. Quy trình xử lý nước thải, kích thước các hạng mục công trình của module 2 tương tự module 1.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của 02 module như sau:

STT	Công trình	Kích thước (m) (dài x rộng x cao)	Số lượng		Vật liệu xây dựng
			Module 1	Module 2	
1	Bể thu gom + song chắn rác	$1,5 \times 03 \times 04$	01		Bê tông cốt thép, chống thấm
2	Bể điều hòa	$1,7 \times 10,2 \times 04$	01		Bê tông cốt thép, chống thấm
3	Bể thiếu khí	$2,5 \times 03 \times 04$	01	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
4	Bể hiếu khí	$2,3 \times 6,4 \times 04$	01	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
5	Bể lắng sinh học	Chiều dài 02; chiều rộng 02; chiều cao 04 (m)	01	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
6	Bể chứa trung gian	$0,8 \times 3,2 \times 04$	01		Bê tông cốt thép, chống thấm
7	Bể thu bùn	$02 \times 01 \times 04$	01	01	Bê tông cốt thép, chống thấm
8	Bể lên men bùn	Bể hình trụ có đáy là hình thang vuông, kích thước các cạnh: 8,3; 1,3; 8,6; 3,75 (m); chiều sâu: 04 m	01		Bê tông cốt thép, chống thấm
9	Bồn lọc áp lực	$D = 1,5; H = 3 \text{ (m)}$	01	01	inox

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường:

+ Trường hợp trong quá trình thực hiện Dự án, tại khu vực Dự án có hệ thống thu gom nước thải chung của địa phương đi qua: Chủ Dự án phải đảm bảo toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án được thu gom và đầu nối về hệ thống thu gom nước thải chung này, không được thải nước thải chưa qua xử lý ra môi trường.

+ Trường hợp trong quá trình thực hiện Dự án, tại khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom nước thải chung của địa phương đi qua: Chủ Dự án phải xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục công trình của hệ thống xử lý nước thải tập trung, công

suất 200 m³/ngày.đêm, xây dựng ngầm (nếu trong giai đoạn này, tại khu vực Dự án có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của địa phương đi qua, hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án sẽ ngưng hoạt động và chủ Dự án phải thực hiện đầu nối nước thải của Dự án vào mạng lưới thu gom, xử lý nước thải của địa phương, đảm bảo nước thải được thu gom, xử lý, không được thải nước thải chưa qua xử lý ra môi trường).

Giai đoạn 01: Xây dựng, lắp đặt module 1 của hệ thống xử lý nước thải tập trung với công suất là 100 m³/ngày.đêm, đảm bảo xử lý nước thải đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($k = 1,0$) trước khi đầu nối vào điểm đầu nối thoát nước thải chung của khu vực theo đúng quy định. Khi thực hiện các thủ tục để xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường phải phối hợp với các cơ quan chức năng xác định cụ thể vị trí xả nước thải của Dự án và yêu cầu Chủ Dự án kết nối vào theo đúng quy định của pháp luật.

Giai đoạn 02: Khi lượng nước thải của giai đoạn 01 đạt 85% công suất của module 1, tại khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung, Chủ Dự án phải lắp đặt thêm thiết bị cho module 2, đảm bảo công suất hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án đạt 100% (200 m³/ngày.đêm) và xử lý hết lượng nước thải phát sinh từ Dự án đạt cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($k = 1,0$) trước khi đầu nối vào điểm đầu nối thoát nước thải chung của khu vực theo đúng quy định. Khi thực hiện các thủ tục để xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường của Dự án, Sở Tài nguyên và Môi trường phải phối hợp với các cơ quan chức năng xác định cụ thể vị trí xả nước thải của Dự án và yêu cầu Chủ Dự án kết nối vào theo đúng quy định của pháp luật.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình thi công san nền:* Che kín các hạng mục công trình gần khu dân cư với khu vực thi công bằng tôn hoặc bạt cao 2,5 m; tiến hành tưới nước giảm bụi vào những ngày nắng bằng 02 xe chuyên dụng ở những khu vực phát tán bụi, lượng nước phun tưới thích hợp là 0,4 lít/m²...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình vệ sinh mặt đường và trải nhựa đường:* Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân; sử dụng ô tô trải nhựa hiện đại; thực hiện vào thời gian mật độ giao thông thấp...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển:* Các loại xe chuyên chở nguyên vật liệu (đất, cát, sỏi, xi măng...) và xà bần phải được che phủ hợp lý trước khi vận chuyển để tránh phát tán bụi; sử dụng các loại dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm nhẹ tải lượng ô nhiễm của khí SO₂ khi máy móc hoạt động; dùng các tấm che chắn xung quanh công trình, công trình cao tới đâu dùng lưới che tới đó; bố trí hợp lý các chuyến xe chuyên chở nguyên vật liệu xây dựng; bố trí hợp lý lịch làm việc tránh chồng chéo gây ùn tắc giao thông nơi công ra vào của công trình...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các thiết bị, máy móc thi công, tập kết nguyên vật liệu:* Kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo các thiết bị, máy móc luôn ở trong trạng thái tốt về mặt kỹ thuật; các phương tiện giao thông đi ra khỏi công trường phải kiểm tra vệ sinh, rửa bụi đất; hạn chế vận chuyển vào giờ cao điểm có mật độ người qua lại cao; đối với việc lưu trữ vật liệu xây dựng: xi măng được tập kết và bảo quản tại kho chứa, cát được bảo quản ngoài trời có bạt che mưa và chống phát tán bụi, các loại đá, gạch hoặc vật liệu xây dựng khác ít phát sinh bụi được để ngoài trời; các phương tiện vận chuyển không được chở quá tải trọng quy định của xe, hạn chế nổ máy trong lúc chờ bốc xếp nguyên vật liệu...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ hoạt động chà nhám, sơn tường:* Trang bị bảo hộ lao động, khẩu trang, kính chắn bụi cho công nhân; che chắn khu vực thi công bằng tôn, bạt; không thi công hoạt động này vào ngày có gió to...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động hàn, cắt kim loại:* Bố trí khu vực hàn, cắt, sơn, xi ở khu vực có ít người qua lại và cuối hướng gió, tránh ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân trên công trường; trang thiết bị phục vụ cho hoạt động hàn, cắt phải là những thiết bị đảm bảo kỹ thuật an toàn và còn hoạt động tốt...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ hoạt động giao thông:* Trồng thêm cây xanh dọc theo tuyến giao thông, xung quanh khu công trình dịch vụ (là nơi tập trung lượng phương tiện giao thông cao). Đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn Dự án theo đúng quy hoạch và duy trì hoạt động chăm sóc; bố trí nhân viên vệ sinh, quét đường, xe phun nước rửa đường, tưới cây vào mùa khô...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi phát sinh từ khu vực lưu chứa rác thải:* Bố trí số lượng thùng thu gom rác HDPE có nắp đậy ở các khu vực công cộng, giáo dục, các hộ dân trên các tuyến đường trong khu vực Dự án với khoảng cách giữa 02 thùng rác khoảng 50 m, không để rác thải tràn ra khỏi thùng chứa, bố trí thời gian thu gom vào những thời điểm có mật độ người lưu thông thấp trong ngày, định kỳ vệ sinh các thùng chứa này để giảm mùi hôi; rác thải sinh hoạt phát sinh được thu gom mỗi ngày, không để tập trung thời gian dài...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải:* Thường xuyên kiểm tra lượng khí sục vào bể điều hòa, bể hiếu khí đảm bảo rằng không có tình trạng phân hủy kỵ khí diễn ra; thu gom và xử lý bùn thải kịp thời, không để bùn tồn đọng lâu ngày dẫn đến quá trình phân hủy kỵ khí gây mùi hôi

thối; kiểm tra mật độ vi sinh trong các bể sinh học; trồng thêm thảm cỏ và cây xanh có tán trong khu vực hạ tầng kỹ thuật...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Chất thải rắn xây dựng*: Chất thải rắn xây dựng được thu gom và phân loại sau đó lưu chứa tại nhà kho chứa chất thải rắn xây dựng tạm thời bố trí tại vị trí đất quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, kết cấu theo dạng nhà tiền chế: nền đất, tường và mái bằng tôn, kích thước 03 m x 04 m, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chủ Dự án trang bị thùng chứa rác với thể tích 120 lít có nắp đậy tại công trường để chứa lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh. Chủ Dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý hằng ngày theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các hộ gia đình được thu gom vào các thùng chứa rác vật liệu HDPE, dung tích 120 lít, có nắp đậy, cứ 50 m dọc theo vỉa hè đặt 01 thùng rác. Đối với khu vực thương mại dịch vụ: Bố trí 03 thùng rác có nắp đậy, vật liệu HDPE, dung tích 20 lít để thu gom rác bên trong khu vực thương mại, phía trước vỉa hè khu thương mại bố trí 01 thùng rác 120 lít, vật liệu HDPE, có nắp đậy. Đối với khu vực giáo dục: Bố trí 03 thùng rác có nắp đậy, vật liệu HDPE, dung tích 20 lít để thu gom rác bên trong khu giáo dục, phía trước vỉa hè khu giáo dục bố trí 01 thùng rác 120 lít, vật liệu HDPE, có nắp đậy. Chủ Dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt của Dự án với tần suất 01 lần/ngày theo đúng quy định.

- *Bùn thải*: Đối với bùn, cặn từ bể tự hoại: Các hộ gia đình, khu thương mại dịch vụ, khu trường học định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Chủ Dự án định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu và Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định chi

tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- Chất thải nguy hại phát sinh được lưu chứa tại các thùng chứa bằng nhựa HDPE, dung tích 60 lít, có nắp đậy, dán nhãn, lưu chứa tại nhà kho chứa chất thải nguy hại tạm thời với diện tích khoảng 10 m². Chủ Dự án ưu tiên xây dựng kho chứa chất thải nguy hại trước, bố trí tại khu vực quy hoạch đất hạ tầng kỹ thuật để sử dụng cho giai đoạn xây dựng và giai đoạn hoạt động. Kết cấu nhà kho: Sàn bê tông, tường gạch bao xung quanh có mái che, có vách ngăn từng loại chất thải nguy hại, hố thu gom chất thải rò rỉ... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn vận hành:

- Chủ Dự án hướng dẫn người dân và nhân viên các khu thương mại dịch vụ, khu giáo dục trong Dự án thu gom chất thải nguy hại về kho chứa chất thải nguy hại được đặt tại khu quy hoạch đất hạ tầng kỹ thuật, diện tích 10 m², kết cấu: sàn bê tông, tường gạch bao xung quanh, có mái che, bên trong có vách ngăn từng loại chất thải nguy hại, có hố thu gom chất thải rò rỉ... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại. Chủ Dự án định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và các quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn xây dựng:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:* Sử dụng các loại xe chuyên dụng hiện đại, tình trạng hoạt động tốt, ít gây ồn; sắp xếp thời gian làm việc hợp lý để tránh việc các máy móc gây ồn cùng làm việc sẽ gây nên tác động cộng hưởng; quy định tốc độ tối đa của xe, máy móc khi lưu thông trong khu vực đang thi công; thường xuyên bảo dưỡng và định kỳ kiểm tra các phương tiện giao thông, đảm bảo đạt tiêu chuẩn về kỹ thuật và luôn đảm bảo máy móc hoạt động tốt...

- *Biện pháp giảm thiểu nguy cơ sạt lở, sụt lún:* Cần thăm dò sơ bộ trước khi đào đất, sử dụng chủng loại máy phù hợp; thực hiện san lấp đồng bộ, gia cố nền móng theo đúng quy trình kỹ thuật; các tuyến đào được phân đoạn phối hợp với công tác lắp đặt ống...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn:* Quy định về tốc độ xe lưu thông, thời gian bấm còi cho phép đối với nội vi khu dân cư; đảm bảo diện tích cây xanh để hạn chế tiếng ồn...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế - xã hội:* Hạn chế các hoạt động tụ tập, buôn bán trái phép, lấn chiếm lòng lề đường đặc biệt là những nơi đông người qua lại trong khu dân cư...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Tuân thủ QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong giai đoạn hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố cháy nổ:* Thực hiện nghiêm chỉnh các tiêu chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy chữa cháy trong quá trình xây dựng Dự án từ khâu chuẩn bị thiết kế, thi công đến nghiệm thu đưa vào sử dụng; xây dựng đội phòng cháy chữa cháy đảm nhiệm cho toàn Dự án; đầu tư các thiết bị phòng cháy chữa cháy tại khu thương mại; bố trí đường ống dẫn nước chống cháy theo mạng lưới vòng tại tất cả các khu vực chính, đặt các họng cứu hỏa tại các điểm gần các khu chức năng thuận tiện cho việc chữa cháy...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố cấp nước của Dự án:* Định kỳ kiểm tra và khắc phục kịp thời các sự cố liên quan đến đường ống cấp nước của khu vực...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố hệ thống thoát nước thải:* Đảm bảo đầu nổi đầy đủ nước thải tại các công trình đơn vị trong Dự án về hệ thống xử lý nước thải tập trung; định kỳ kiểm tra và khắc phục kịp thời các sự cố liên quan đến đường ống thu gom nước thải...

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án:

Các công trình bảo vệ môi trường chính gồm:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom, thoát, xử lý nước thải.

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.

- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát không khí khu vực thi công xây dựng:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công của Dự án.
- *Tần suất giám sát:* 01 lần trong quá trình thi công xây dựng.
- *Thông số giám sát:* Nhiệt độ, độ ẩm, tốc độ gió, bụi, tiếng ồn, độ rung, SO₂, CO, NO_x.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Giám sát nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, photphat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, nitrat, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát:* Theo quy định tại Thông tư số 25/2019/BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (lấy mẫu từng công đoạn, theo từng đợt).



- *Quy chuẩn so sánh*: Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($k = 1,0$).

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Giám sát nước thải

* *Trường hợp khi khu vực Dự án chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải của huyện Chợ Thành đi qua:*

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm đầu vào và 01 điểm đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án.

- *Thông số giám sát*: Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, tổng chất rắn hòa tan, sunfua, amoni, photphat, dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, nitrat, tổng coliform.

- *Tần suất giám sát*: 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: Cột A, QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt ($k = 1,0$).

* *Trường hợp khi khu vực Dự án có hệ thống thu gom, xử lý nước thải của huyện Chợ Thành đi qua*: Chủ Dự án đầu nối nước thải của Dự án với hệ thống thu gom, xử lý nước thải chung của huyện Chợ Thành và không thực hiện giám sát chất lượng môi trường nước thải.

5.3.2. Giám sát chất lượng nước ngầm:

- *Vị trí giám sát*: 01 điểm tại giếng khoan trong khu vực Dự án (giai đoạn sử dụng nước cấp từ giếng khoan của Dự án).

- *Thông số giám sát*: pH, TDS, nitrit, nitrat, amoni, F⁻, Zn, Mn, coliform.

- *Tần suất giám sát*: 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh*: QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.3.3. Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát*: Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.

- *Thông số giám sát*: Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.

- *Tần suất giám sát*: Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng*: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/04/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về quản lý chất thải nguy hại và theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác: Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

6.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.2. Toàn bộ nước thải phát sinh từ Dự án phải được thu gom, xử lý theo đúng quy định, không để nước thải chưa qua xử lý thoát ra ngoài môi trường.

6.3. Thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

6.4. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh thực hiện các công trình bảo vệ môi trường như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của Dự án gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan nơi có Dự án để chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời.

6.5. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 242/CV- UBND ngày 09/9/2021 của UBND thị trấn Chơn Thành về việc ý kiến tham vấn về Dự án “Khu dân cư Cát Tường – Phú Thành, diện tích 8,3 ha” tại thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước và các Phiếu lấy ý kiến tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp của Dự án. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

6.6. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

6.7. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.

